TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2020/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 7 - 2020
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huyền Trân
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Cúc.
Ông Võ Thanh Liêm.
- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 191/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 về việc "Xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 367/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tô Ngọc D, sinh năm 1976 (có mặt).
Địa chỉ: Số 18, ADV, khóm B, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
2. Bị đơn: Anh Hồ Minh T, sinh năm 1976 (vắng mặt).
Địa chỉ: Số 71, NNS, khóm T, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/4/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Tô Ngọc D trình bày:

Chị D và anh T sống chung vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố C. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, không có sự chia sẽ, thông cảm lẫn nhau. Mỗi người có suy nghĩ riêng. Anh T không lo làm và không chăm lo và thương yêu vợ con, gia đình không hạnh phúc. Nay chị xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng quá lớn không thể hàn gắn và chị không còn tình cảm với anh T và vợ chồng đã ly thân khoảng 10 năm. Nay chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị D xác định có 02 người con chung tên Hồ Gia K1, sinh ngày 10/8/2004 và Hồ Ngọc Thiên K, sinh ngày 08/8/2009. Hiện cháu K1 và cháu K đang sống chung với chị D. Khi ly hôn chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu K1 và cháu K, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị D khai không có.

Về nợ chung: Chị D khai không có nợ ai và cũng không ai nợ lại anh, chị.

Đối với Anh Hồ Minh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Về thủ tục tố tụng: Anh Hồ Minh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử theo quy định nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Điều 207 và Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Tô Ngọc D và anh Hồ Minh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau nên quan hệ hôn nhân của chị D và anh T là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị D cho rằng mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh T phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, không có sự chia sẽ, thông cảm lẫn nhau, mỗi người có suy nghĩ riêng, anh T không lo làm và không chăm lo và thương yêu vợ con. Gia đình không hạnh phúc. Chị khẳng định không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân là mối quan hệ mà cả hai phải cùng có trách nhiệm và tinh thần xây dựng, thông cảm, chia sẽ lẫn nhau nhưng hiện nay chị D xác định đã không còn tình cảm với anh T và không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa. Mặc dù Tòa án đã động viên chị D nhưng chị không thay đổi ý kiến và thể hiện ý kiến cho dù Hội đồng xét xử có không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D thì chị D cũng không tiếp tục chung sống với anh T. Anh T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình, không nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh để tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình chứng tỏ anh T cũng không có mong muốn được hàn gắn với chị D. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T hiện nay là không thể hàn gắn và thời gian ly thân 10 năm là quá lâu để có thể hàn gắn giữa chị D và anh T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D cho chị D được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị D xác định có 02 người con chung tên Hồ Gia K1, sinh ngày 10/8/2004 và Hồ Ngọc Thiên K, sinh ngày 08/8/2009. Hiện cháu K1 và chái K đang sống chung với chị D. Khi ly hôn chị D yêu cầu được nuôi cả hai người con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy việc nuôi dạy con là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dạy cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con và tại biên bản ghi nhận nguyện vọng con chung khi cha mẹ ly hôn ngày 29/4/2020 cháu K có nguyện vọng được sống chung với chị D. Xét thấy cháu

Kim hiện nay đang sống chung với chị D và có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị D. Do đó, tiếp tục giao cháu K cho chị D nuôi là phù hợp. Đối với cháu Kiệt hiện nay đã 16 tuổi và đang du học ở ngoài nước không thể về Việt Nam và chị D có đơn yêu cầu Tòa không ghi ý kiến đối với cháu để cháu không bị ảnh hưởng đến tâm lý, ảnh hưởng đến việc học. Hội đồng xét xử thấy rằng đối với yêu cầu của chị D về nguyện vọng được nuôi cả hai người con chung Tòa án đã có thông báo cho anh T được biết nhưng anh không có ý kiến phản hồi để thể hiện yêu cầu của mình. Để tránh gây sáo trộn tâm lý của cháu K1 và do hiện nay điều kiện đi lại khó khăn, cháu kiệt cũng đã 16 tuổi và hiện không ở cùng với anh T hay chị D mà tự mình học tập và sinh hoạt ở ngoài nước. Việc giao con cho ai nuôi hiện nay chỉ thể hiện việc ai là người giữ vai trò chính cung cấp điều kiện cho cháu K1 tiếp tục học tập. Tại phiên tòa chị dung xác định từ khi vợ chồng ly thân đến thời điểm xét xử là 10 năm chị là người cung cấp và chăm sóc. Hiện nay chị có đủ điều kiện để nuôi dạy con chung nên Hội đồng xét xử thống nhất không tiến hành ghi nguyện vọng của cháu K1 để tạo điều kiện cho cháu yên tâm học tập và giao cháu K1 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp. Mặc dù, giao con cho chị D nuôi nhưng nếu trong thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng chị D gặp khó khăn hoặc cản trở việc anh T thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đối với con thì anh T vẫn có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị D xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị D xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị D khai không có, không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình chị D phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 207, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Tô Ngọc D.

- Về hôn nhân: Chị Tô Ngọc D được ly hôn với anh Hồ Minh T.

- Về con chung: Giao cháu Hồ Gia K1, sinh ngày 10/8/2004 và Hồ Ngọc Thiên K, sinh ngày 08/8/2009 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh T.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không xem xét.

- Về nợ chung: Không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Chị Tô Ngọc D phải nộp số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*. Vào ngày 23/4/2020, chị D đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0001677 Tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND phường N, Tp C, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Trần Huyền Trân